

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 73 /2024/HNGĐ-ST*

*Ngày: 08/3/2024*

*V/v: “Ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và ông Phạm Công Định.*

***- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:  
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.***

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HN&GD ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54 /2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1996***

*Địa chỉ: N, T, T, Hải Dương.*

***- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1993;***

*Địa chỉ: Đ, N, N, Hải Dương*

*Hiện đã xuất cảnh không rõ địa chỉ.*

*Tại phiên tòa chị T, anh L vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai chị T trình bày:***

Chị với anh Nguyễn Thành L kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2016. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh L ở cùng chú ruột anh L là chú Nguyễn Hải Đ ở thôn Đ, N, Hải Dương. Khi chị tìm hiểu và kết

hôn với anh L thì anh L vẫn ở cùng vợ chồng chú Đ. Chị chỉ nghe anh L nói anh L sống với vợ chồng chú thím từ bé vì bố mẹ anh đi làm kinh tế trong miền N từ khi anh L còn nhỏ. Ngày nhỏ anh cũng có thời gian ở cùng bố mẹ trong miền N nhưng do không hợp với bố, thường xuyên cãi nhau với bố nên anh chuyển hẳn ra Bắc sống cùng vợ chồng chú Đ. Anh L có một người chị gái hiện nay sống ở Đà Nẵng. Khi anh chị cưới, bố mẹ chồng và chị chồng có ra dự đám cưới nhưng sau đó lại vào N. Hiện bố mẹ chồng và chị chồng chị ở đâu và làm gì chị không nắm được địa chỉ cụ thể vì thực chất chị và anh L không liên lạc thường xuyên với gia đình nhà chồng nên cũng không rõ cuộc sống hiện tại của họ. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh L chỉ hạnh phúc khoảng hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần khiến cuộc sống vợ chồng rất khó khăn. Mặt khác do vợ chồng không có con nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị và chú thím đã khuyên anh L nhiều lần nhưng anh L không nghe vẫn ham chơi cờ bạc, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ. Vì cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt không có hạnh phúc nên chị đã bỏ việc, không sống cùng anh L mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị về huyện T ở cùng bố mẹ đẻ từ giữa năm 2020 đến nay. Chị và anh L không liên lạc với nhau. Chị chỉ liên lạc với anh L qua facebook kể từ khi chị có ý định ly hôn – năm 2023. Chị nhiều lần điện thoại, nhắn tin trao đổi với anh L để anh L đến Tòa giải quyết ly hôn cùng chị nhưng anh L cứ khất lần nói phải đi làm thuê để trả nợ nên không có mặt để giải quyết ly hôn cùng chị, chị cứ giải quyết ly hôn anh hoàn toàn đồng ý vì giữa anh chị không có vướng mắc gì. Do vậy chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa nhờ Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh L để chị sớm ổn định cuộc sống. Sau khi Tòa án huyện N ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử chị lại được thông báo chuyển vụ án lên Tòa án tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền vì anh L không ở Việt Nam mà đã xuất cảnh. Chị đã gọi điện cho anh L, anh L cũng không nói cho chị biết hiện anh L ở nước nào. Chị gọi điện cho bố mẹ anh L ở miền N để hỏi địa chỉ cụ thể của anh L, họ trả lời không biết. Họ còn không biết anh L đi nước ngoài. Do vậy đến nay chị xác định không thể cung cấp địa chỉ của anh L ở nước ngoài cho Tòa án vì chị không biết. Những người thân của anh L cũng biết. Tòa án đề nghị chị cung cấp họ tên địa chỉ của bố mẹ anh L nhưng vì chị lấy anh L chị chỉ ở cùng chú thím nên chỉ biết chú thím anh L, còn bố mẹ anh L ở đâu và làm gì chị không rõ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xác minh qua chú thím của anh L- ông Nguyễn Hải Đ- thôn Đ xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đến nay chị xác định cuộc sống giữa chị và anh L không có hạnh phúc, đã từ lâu không ai quan tâm đến ai vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn anh L để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì anh L hiện nay ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa xét xử ly hôn giữa chị và anh. Chị phải đi làm trang trải cuộc sống bản thân nên cũng không bố trí đến phiên tòa để tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại phiên tòa, mọi quan điểm của chị vẫn giữ nguyên như lời khai đã khai tại Tòa cũng như trong đơn khởi kiện gửi Tòa. Do vậy chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt cả hai anh chị theo quy định của pháp luật.

Theo thông tin do Cục Q cung cấp tại Công văn số 34530/QLXNC-P3 ngày 21/12/2023 và Công văn số 99/QLXNC-P3 ngày 03/01/2024 thể hiện: Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/11/1993, CCCD số 030093000642 có 01 lần xuất cảnh ngày 17/9/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định của Chính phủ, công dân khi xuất cảnh không phải khai mục đích và nước đến nên không có thông tin nơi đến của anh L.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Hải Đ- thôn Đ xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương là chú anh L theo đề nghị của chị T thể hiện anh L ở cùng chú từ bé, bố mẹ anh L đi làm ăn trong miền N. Khi anh L lấy vợ là chị T, hai vợ chồng anh L chị T cũng ở cùng với gia đình ông. Sau đó vì chơi bời, nợ nần nên anh L có đi làm ăn không ở địa phương. Anh L đi đâu và làm gì ông không rõ. Anh L thỉnh thoảng có điện thoại cho ông chứ bố mẹ anh L cũng không liên lạc với anh L. Ông mới biết là anh L đã xuất cảnh do Tòa án thông báo chứ ông không được anh L thông báo là đã đi nước ngoài vì khi anh L gọi điện thoại ông vẫn thông báo các giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án để anh L nắm được việc chị T xin ly hôn anh. Anh L nói đồng ý nhưng do bận nên không thể đến Tòa án để giải quyết nên cứ để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh L chỉ liên lạc với ông qua điện thoại, với nhiều số điện thoại khác nhau và không nói hiện đang ở nước nào nên ông không thể cung cấp cho Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 51, 56 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành L. Về án phí: Chị Phạm Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị T đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thành L. Anh L hiện đã xuất cảnh nhưng gia đình không biết đi nước nào. Trước khi xuất cảnh, anh L sống cùng gia đình chú ruột là ông Nguyễn Hải Đ - thôn Đ xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Đồng thời Tòa án giao các văn bản trên cho chú ruột anh L là ông Đ để thông báo cho anh L biết. Anh L được tổng đạt QĐXX hợp lệ 02 lần song đều không có mặt. Tòa án đã 02 lần yêu cầu gia đình ông Đ, chú anh L cung cấp địa chỉ của anh L song đều không cung cấp được. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX xét xử vắng mặt chị T, anh L theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thành L được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2016 tại UBND xã N, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị T và anh L không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh L theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: chị T và anh L không có con chung nên HĐXX không phải giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị T không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành L

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ do anh Nguyễn Khắc T1 nộp thay chị T tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004232 ngày 16/10/2023 của Chi cục THADS huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Các đồng sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trịnh Cẩm Vân**